UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 140 /BC-SKHCN

*Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

# BÁO CÁO
## Tình hình, kết quả thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực Quý I năm 2026

Thực hiện Thông tư số 06/2025/TT-TTCP ngày 29/9/2025 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ thông tin, báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực; Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí Quý I năm 2026 như sau:

### I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC

#### 1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTNLPTC)

- Sở Khoa học và Công nghệ đã chỉ đạo, phổ biến, quán triệt các phòng, đơn vị thực hiện tốt các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, lãng phí năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều, biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Để thực hiện tốt công tác PCTNLPTC, trong Quý I năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch số 87/KH-SKHCN ngày 09/02/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2026; Quyết định số 56/QĐ-SKHCN ngày 30/01/2026 ban hành Quy chế làm việc của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng.

- Về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về PCTNLPTC: Đến thời điểm báo cáo, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho thành phố ban hành 01 Quyết định để thực hiện PCTNLPTC[1]. Hiện đang triển khai xây dựng Quyết định của UBND thành phố ban hành Quy chế Giải thưởng thành phố Hải Phòng về khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Quyết định của UBND thành phố ban hành Quy định tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng thành phố Hải Phòng và Quyết định của UBND thành phố ban hành

[1] Quyết định số 06/2026/QĐ-SKHCN ngày 19/01/2026 của UBND thành phố quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025-2030.

Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng để thay thế các Quyết định của tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng cũ. Đồng thời, hiện đang nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng; Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về phân cấp và quy định chi tiết quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng; Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chế phối hợp trong hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Quyết định của UBND thành phố ban hành Quy định về việc xét công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn thành phố Hải Phòng để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đăng ký xây dựng.

- Đảng ủy, Lãnh đạo Sở tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt các phòng, đơn vị thực hiện nghiêm túc việc rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc phạm vi quản lý của Sở để phát hiện quy định mâu thuẫn, chồng chéo, trái phái luật, còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực và kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới cho phù hợp, thống nhất với văn bản pháp luật của cấp trên và tình hình thực tế tại địa phương.

- Phối hợp tích cực với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, tham gia ý kiến, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện PCTNLPTC khi được yêu cầu.

- Sở tiếp tục giao nhiệm vụ cho Văn phòng Sở có trách nhiệm chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại Sở.

**2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

Trong Quý I năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018: Công khai chế độ, chính sách liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của công chức, viên chức và người lao động; công khai các Quyết định bổ nhiệm, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở và các đơn vị trực thuộc Sở; công khai dự toán kinh phí năm 2026 theo quy định; công khai Quyết định công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trên Trang Thông tin điện tử của Sở, Hệ thống Văn phòng điện tử; đề nghị niêm yết công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã...

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Chấp hành nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán; quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định. Sở tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm túc Quyết định số 338/QĐ-SKHCN ngày 26/7/2025 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Khoa

học và Công nghệ thành phố Hải Phòng; Quyết định số 343/QĐ-SKHCN ngày 30/7/2025 ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Trong kỳ báo cáo, Lãnh đạo Sở, lãnh đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở luôn gương mẫu thực hiện theo quy tắc ứng xử công vụ được quy định Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định số 56/QĐ-SKHCN ngày 30/01/2026 ban hành Quy chế làm việc của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng và các văn bản có liên quan.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

Thực hiện theo quy định tại Mục 4 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Chương 5 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ và Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

- Sở đã ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 14/QĐ-SKHCN ngày 10/01/2026 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 168/QĐ-SKHCN ngày 06/3/2026 ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2026 và Kế hoạch số 28/KH-SKHCN ngày 26/01/2026 về Chuyển đổi số Sở Khoa học và Công nghệ năm 2026. Đến thời điểm báo cáo, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp trong công tác cải cách hành chính trên các lĩnh vực: công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách thể chế; cải cách TTHC; cải cách tổ chức bộ máy, công vụ; cải cách tài chính công và xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Đảm bảo 100% TTHC được công bố, công khai và tổ chức thực hiện theo quy định; đồng thời đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. Hiện tại, Trên cổng dịch vụ công trực tuyến, Sở có 202 dịch vụ công trực tuyến, trong Quý I năm 2026 100% hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến; tỷ lệ thanh toán phí, lệ phí thực hiện TTHC trực tuyến đạt 100%.

- Tiếp tục thực hiện cải cách tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra để nâng cao hiệu quả hoạt động; tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số hướng tới xây dựng thành phố thông minh.

- Tiếp tục triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử

(https://qlvb.hpnet.vn) để công khai mọi hoạt động của Sở; sử dụng phần mềm kế toán kho bạc để thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và thực hiện trả lương cho công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở qua tài khoản theo quy định. Thực hiện nghiêm túc Công điện số 124/CĐ-TTg ngày 30/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và tiếp tục thực hiện theo đúng các mục tiêu đã đề ra tại Quyết định số 1813/QĐTTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

- Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện việc kiểm soát, tài sản, thu nhập theo quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức và tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Tỉnh ủy/Thành ủy, UBND tỉnh/thành phố về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 theo quy định. Từ ngày 10/12/2025 đến nay, 102 công chức, viên chức thuộc Sở thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo quy định. Thực hiện công khai bản kê khai tài sản thu nhập năm 2025 và hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để giao nộp Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 về Thanh tra thành phố theo hướng dẫn tại Công văn số 309/TTTP-NV6 ngày 07/02/2026 của Thanh tra Thành phố.

**3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

Không có.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Không có.

- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán (Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành…): Không có.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Không có.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua xem xét phản ánh,

báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không phát sinh.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua các hoạt động khác

Không có.

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong phạm vi theo dõi, quản lý của Sở: Không phát sinh

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện được: Không có.

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: Không có

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu: Không có trường hợp, vụ việc tham nhũng, tiêu cực xảy ra tại Sở.

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác: Không phát sinh.

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Không phát sinh.

**4. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng**

Trong Quý I năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ không có hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

**5. Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực**

- Trong Quý I năm 2026, Đảng ủy, Lãnh đạo Sở tiếp tục chỉ đạo, phổ biến, quán triệt tới các phòng, đơn vị thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 27- CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về bảo vệ người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; Kết luận số 05-KL/TW ngày 03/6/2021 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kết luận số 12-KL/TW ngày 06/4/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6, Quốc hội XV; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh,

tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Quy định 131- QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; các quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021); Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ và các chương trình, kế hoạch của Thành ủy, UBND thành phố và của Sở về công tác PCTNLPTC…

- Việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện được thực hiện trong các buổi giao ban, các cuộc họp, đăng tải trên nhóm zalo, Trang thông tin điện tử của Sở, Hệ thống văn phòng điện tử.... Qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đối với đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền. Đa số đảng viên, công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở đã nắm được những nội dung cơ bản của các quy định của pháp luật về PCTNLPTC.

## II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC

### 1. Đánh giá tình hình

Trong Quý I năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ không có tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Các phòng, đơn vị, công chức, viên chức và người lao động trong đã được tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và chấp hành tốt các quy định về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

### 2. Dự báo tình hình tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Dự báo trong thời gian tới không có đối tượng, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực xảy ra tại Sở Khoa học và Công nghệ.

## III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC

Công tác PCTNLPTC luôn được Đảng ủy, lãnh đạo Sở, lãnh đạo phòng, đơn vị quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, quán triệt sâu sắc đến từng đảng viên, công chức, viên chức và người lao động của Sở để triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các quy định của pháp luật về PCTNLPTC, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của đảng viên, công chức, viên chức thuộc Sở trong công tác PCTNLPTC. Sở đã kịp thời ban hành Kế hoạch thực hiện công tác PCTNLPTC ngay từ đầu năm sát với yêu cầu thực tế và nhiệm vụ được giao; tổ chức thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng

ngừa tham nhũng tại Sở và các đơn vị trực thuộc Sở. Các nhiệm vụ, kế hoạch; công tác quản lý tài chính, tài sản; công tác tổ chức bộ máy, cán bộ; công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết các TTHC,... được công khai, minh bạch. Kịp thời xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, Quy chế làm việc của Sở. Trong Quý I năm 2026, không có tập thể, cá nhân thuộc Sở vi phạm các quy định của pháp luật về PCTNLPTC.

## IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

### 1. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNLPTC.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các phòng, đơn vị thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Sở.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực theo quy định; xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của công chức đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP; tổ chức thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong xử lý công việc nhằm nâng cao chất lượng công việc của đội ngũ công chức, viên chức và công khai, minh bạch tất cả các hoạt động của Sở.

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và làm tốt công tác nắm tình hình, chủ động phát hiện, xử lý kịp thời các vụ việc khi mới phát sinh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

### 2. Kiến nghị và đề xuất

Không có.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong Quý I năm 2026. Sở Khoa học và Công nghệ gửi báo cáo để Thanh tra thành phố tổng hợp./.

***Nơi nhận:***
- Thanh tra thành phố;
- GĐ Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**Lê Văn Kiên**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC QUÝ I NĂM 2026**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày tháng 3 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)*

| MS | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU |
|---|---|---|---|
| | **CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT** | | |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | Văn bản | 01 |
| 2 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 0 |
| 3 | Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 0 |
| | **TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC** | | |
| 4 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức | Lớp | 1 |
| 5 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực | Lượt người | 50 |
| 6 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản | Tài liệu | 0 |
| | **THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG TNLPTC** | | |
| 7 | Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống TNLPTC | Cuộc | 0 |
| 8 | Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống TNLPTC đã ban hành kết luận | Cuộc | 0 |
| 9 | Số đơn vị được thanh tra | Đơn vị | 0 |
| | ***Kiến nghị xử lý hành chính*** | | |
| 10 | + Tập thể | Tập thể | 0 |
| 11 | + Cá nhân | Người | 0 |
| | ***Kiến nghị xử lý hình sự*** | | |
| 12 | + Số vụ | Vụ | 0 |
| 13 | + Số đối tượng | Đối tượng | 0 |
| | **PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ** | | |
| | ***Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động*** | | |
| 14 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 15 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV | 0 |
| | ***Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ*** | | |

| MS | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU |
|---|---|---|---|
| 16 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới | Văn bản | 0 |
| 17 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ | Văn bản | 0 |
| 18 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Cuộc | 0 |
| 19 | Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Vụ | 0 |
| 20 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Người | 0 |
| 21 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính | Người | 0 |
| 22 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự | Người | 0 |
| 23 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 24 | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | 0 |
| | ***Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn*** | | |
| 25 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 26 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | 0 |
| 27 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | 0 |
| 28 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 29 | Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích | Người | 0 |
| 30 | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ | Người | 0 |
| | ***Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn*** | | |
| 31 | Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 0 |
| 32 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 0 |
| | ***Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt*** | | |
| 33 | Số dịch vụ công trực tuyến | Thủ tục | 204 |
| 34 | Số dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Thủ tục | |
| 35 | Số dịch vụ công trực tuyến một phần | Thủ tục | |
| 36 | Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Cuộc | 0 |
| 37 | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán | Vụ | 0 |

| MS | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU |
|---|---|---|---|
| | không dùng tiền mặt | | |
| 38 | Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1) | Triệu đồng | |
| 39 | Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2) | % | |
| | ***Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn*** | | |
| 40 | Số người đã thực hiện kê khai và công khai tài sản, thu nhập trong kỳ | Người | 102 |
| 41 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | Người | 0 |
| 42 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 43 | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập | Người | 0 |
| *43.1* | *Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực* | Người | 0 |
| *43.2* | *Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập* | Người | 0 |
| | **PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ** | | |
| 44 | Tổng số vụ việc tham nhũng, tiêu cực được phát hiện trong kỳ báo cáo | Vụ | 0 |
| 45 | Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện trong kỳ báo cáo | Người | 0 |
| 46 | Tổng số vụ việc gây lãng phí được phát hiện trong kỳ báo cáo | Vụ | 0 |
| 47 | Tổng số đối tượng có hành vi gây lãng phí được phát hiện trong kỳ báo cáo | Người | 0 |
| | ***Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị*** | | |
| 48 | Số vụ TNLPTC đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Vụ | 0 |
| 49 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Người | 0 |
| 50 | Số vụ TNLPTC được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Vụ | 0 |
| 51 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Người | 0 |
| 52 | Số vụ TNLPTC được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống TNLPTC trong cơ quan có chức năng phòng, chống TNLPTC | Vụ | 0 |
| | *- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống TNLPTC trong cơ quan thanh tra* | Vụ | 0 |
| 53 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC được phát hiện qua kiểm tra trong cơ quan có chức năng phòng, chống TNLPTC | Người | 0 |

| MS | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU |
|---|---|---|---|
| | *- Trong đó số đối tượng có hành vi TNLPTC được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống TNLPTC trong cơ quan thanh tra* | Người | 0 |
| | ***Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán*** | | |
| 54 | Số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Vụ | 0 |
| 55 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Người | 0 |
| 56 | Số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra | Vụ | 0 |
| 57 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện qua hoạt động thanh tra | Người | 0 |
| 58 | Số vụ lãng phí được phát hiện qua hoạt động thanh tra | Vụ | 0 |
| 59 | Số đối tượng có hành vi gây lãng phí được phát hiện qua hoạt động thanh tra | Người | 0 |
| 60 | Số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Vụ | 0 |
| 61 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Người | 0 |
| 62 | Số vụ lãng phí được phát hiện qua hoạt động kiểm toán | Vụ | 0 |
| 63 | Số đối tượng có hành vi gây lãng phí được phát hiện qua hoạt động kiểm toán | Người | 0 |
| | ***Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*** | | |
| 64 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi TNLPTC | Vụ việc | 0 |
| 65 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi TNLPTC đã được xem xét | Vụ việc | 0 |
| 66 | Số vụ TNLPTC phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi TNLPTC | Vụ | 0 |
| 67 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi TNLPTC | người | 0 |
| | ***Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo*** | | |
| 68 | Số vụ TNLPTC được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ | 0 |
| 69 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | 0 |
| | ***Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)*** | | |
| 70 | Số vụ TNLPTC được phát hiện thông qua các hoạt động khác | Vụ | 0 |
| 71 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC phát hiện qua các hoạt động khác | Người | 0 |

| MS | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU |
|---|---|---|---|
| | ***Qua điều tra tội phạm*** | | |
| 72 | Số vụ án tham nhũng, tiêu cực (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | 0 |
| 73 | Số đối tượng tham nhũng, tiêu cực (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | 0 |
| 74 | Số vụ án gây lãng phí (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | 0 |
| 75 | Số đối tượng gây lãng phí (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | 0 |
| | ***Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*** | | |
| 76 | Số người tố cáo hành vi TNLPTC được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo | Người | 0 |
| 77 | Số người tố cáo hành vi TNLPTC bị trả thù | Người | 0 |
| 78 | Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo | Người | 0 |
| 79 | Số người tố cáo hành vi TNLPTC đã được khen, thưởng | Người | 0 |
| | **XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC** | | |
| 80 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi TNLPTC | Người | 0 |
| 81 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi TNLPTC | Người | 0 |
| 82 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra TNLPTC | Người | 0 |
| *82.1* | *- Khiển trách* | Người | 0 |
| *82.2* | *- Cảnh cáo* | Người | 0 |
| *82.3* | *- Cách chức* | Người | 0 |
| | **XỬ LÝ THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ** | | |
| 83 | Số vụ án TNLPTC đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Vụ | 0 |
| 84 | Số đối tượng bị kết án TNLPTC (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó: | Người | 0 |
| *84.1* | *- Số đối tượng phạm tội TNLPTC ít nghiêm trọng* | Người | 0 |
| *84.2* | *- Số đối tượng phạm tội TNLPTC nghiêm trọng* | Người | 0 |
| *84.3* | *- Số đối tượng phạm tội TNLPTC rất nghiêm trọng* | Người | 0 |
| *84.4* | *- Số đối tượng phạm tội TNLPTC đặc biệt nghiêm trọng* | Người | 0 |
| 85 | Số vụ việc TNLPTC đã được xử lý hành chính | Vụ | 0 |
| 86 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi TNLPTC | Người | 0 |

| MS | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU |
|---|---|---|---|
| 87 | Số vụ việc TNLPTC đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ | 0 |
| 88 | Số đối tượng TNLPTC đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người | 0 |
| | ***Tài sản bị TNLPTC, gây thiệt hại do TNLPTC đã phát hiện được*** | | |
| 89 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 90 | Đất đai | $m^2$ | 0 |
| | ***Tài sản TNLPTC, gây thiệt hại do TNLPTC đã được thu hồi, bồi thường*** | | |
| 91 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| *91.1* | *- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính* | Triệu đồng | 0 |
| *91.2* | *- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp* | Triệu đồng | 0 |
| 92 | Đất đai | $m^2$ | 0 |
| *92.1* | *- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính* | $m^2$ | 0 |
| *92.2* | *- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp* | $m^2$ | 0 |
| | ***Tài sản TNLPTC, gây thiệt hại do TNLPTC không thể thu hồi, khắc phục được*** | | |
| 93 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 94 | Đất đai | $m^2$ | 0 |
| | **PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý TNLPTC trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)** | | |
| 95 | Tổng số vụ việc TNLPTC trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo | Vụ | 0 |
| 96 | Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi TNLPTC được phát hiện trong kỳ báo cáo | Người | 0 |
| 97 | Số vụ việc TNLPTC trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự | Vụ | 0 |
| 98 | Số đối tượng TNLPTC trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự | Người | 0 |
| 99 | Số vụ việc TNLPTC trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính | Vụ | 0 |
| 100 | Số đối tượng TNLPTC trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật | Người | 0 |
| | **PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC** | | |
| 101 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý | Tổ chức | 0 |

| MS | NỘI DUNG | ĐVT | SỐ LIỆU |
|---|---|---|---|
| 102 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN | Tổ chức | 0 |
| 103 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN | Tổ chức | 0 |
| 104 | Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Vụ | 0 |
| 105 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Người | 0 |
| 106 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự | Người | 0 |
| 107 | Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 108 | Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |